TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2026/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 18 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Sùng A M**. Địa chỉ: Bản M (nay là bản H), xã M, tỉnh Điện Biên. Số CCCD: 011094002219.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông **Lý A C** – Trợ giúp viên thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

- Bị đơn: Chị **Vàng Thị M1**. Địa chỉ: Bản M (nay là bản H), xã M, tỉnh Điện Biên. Số CCCD: 011195002246.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông **Lường Văn B** – Trợ giúp viên thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 86, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Sùng A M và chị Vàng Thị M1.

2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về hôn nhân: Anh Sùng A M và chị Vàng Thị M1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Sùng A V sinh ngày 30/11/2013, cháu Sùng Chí T sinh ngày 26/6/2015, cháu Sùng A T1 sinh ngày 26/4/2021 cho anh Sùng A M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị Vàng Thị M1 cấp dưỡng nuôi con đối với ba cháu Sùng A V, Sùng Chí T, Sùng A T1, cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000 (một triệu) đồng/01 tháng, cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 15 của tháng, kể từ tháng 9 năm 2026.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị M1 không tự nguyện thi hành đối với khoản cấp dưỡng thì chị M1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Sùng A M và chị Vàng Thị M1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 4- Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thanh Ngọc